

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 27

011256
ÔNG M
+ NHIỆM H
LOI
ET N
A - T

N: 03
G
PHÂN:
Đ
H TH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Vinh	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


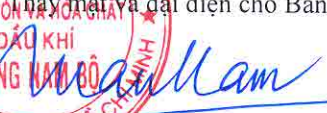
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hùng

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2015
			(Trình bày lại)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.532.280.839	227.277.791.917
I. Tiền	110	5	37.662.788.817	89.228.340.732
1. Tiền	111		37.662.788.817	89.228.340.732
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		873.765.094	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		873.765.094	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.508.582.357	60.575.463.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.007.976.065	52.239.872.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	14.480.606.292	7.989.905.132
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.000.000	345.686.300
IV. Hàng tồn kho	140	9	116.936.810.106	74.652.330.613
1. Hàng tồn kho	141		116.936.810.106	74.652.330.613
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.550.334.465	2.821.657.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	98.985.000	1.257.717.606
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.451.349.465	1.563.939.469
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.639.086.365	53.489.739.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		890.362.000	880.362.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	890.362.000	880.362.000
II. Tài sản cố định	220		52.296.807.594	50.049.739.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	33.794.954.635	32.136.138.017
- Nguyên giá	222		45.261.276.185	48.998.740.621
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.466.321.550)	(16.862.602.604)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.501.852.959	17.913.601.565
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.705.974.041)	(2.294.225.435)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.451.916.771	2.559.637.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.451.916.771	2.559.637.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		272.171.367.204	280.767.531.310


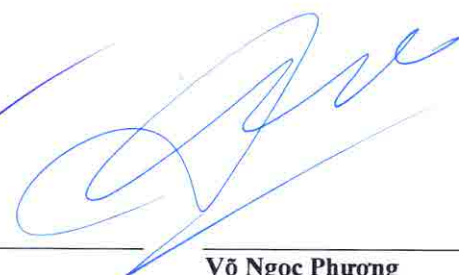
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.152.159.904	109.000.030.266
I. Nợ ngắn hạn	310		119.152.159.904	109.000.030.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	99.750.504.031	72.988.486.109
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	8.584.937.279	13.460.652.718
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.395.196.680	2.512.211.537
4. Phải trả người lao động	314		4.117.832.109	4.002.726.078
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.841.562.940	662.636.401
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	12.476.500.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.462.126.865	2.896.817.423
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		161.615.371.406	163.171.336.938
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	161.615.371.406	163.171.336.938
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.619.483.939	13.255.284.363
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.995.887.467	24.916.052.575
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.166.052.575	10.010.180.439
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.829.834.892	14.905.872.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		280.767.531.310	272.171.367.204

Nguyễn Văn Lộc
 Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng




Trần Tuấn Nam
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.695.423.734.876	2.845.605.308.826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	22.293.121.485	24.209.841.154
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	2.673.130.613.391	2.821.395.467.672
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.562.297.030.069	2.712.487.359.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		110.833.583.322	108.908.107.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	632.277.163	351.582.731
7. Chi phí tài chính	22		2.484.626.357	1.175.981.724
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		106.702.076	382.139.320
8. Chi phí bán hàng	25	23	42.972.320.977	34.703.540.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	32.744.882.385	33.639.195.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		33.264.030.766	39.740.973.103
11. Thu nhập khác	31	24	1.934.193.455	77.517.375
12. Chi phí khác	32	24	1.579.301	1.496.159.062
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.932.614.154	(1.418.641.687)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35.196.644.920	38.322.331.416
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	7.912.653.407	8.752.491.244
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		27.283.991.513	29.569.840.172
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.776	2.011





Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu
Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng
Trần Tuấn Nam
Giám đốc



Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.196.644.920	38.322.331.416
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.022.647.448	5.838.715.745
Các khoản dự phòng	03	-	(1.542.810.393)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(422.884.079)	(306.053.656)
(Thu nhập) từ hàng khuyến mại		(1.927.958.000)	-
Chi phí lãi vay	06	106.702.076	382.139.320
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.975.152.365	42.694.322.432
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.169.471.144)	35.061.507.961
Giảm hàng tồn kho	10	42.284.479.493	34.454.477.985
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	22.953.483.074	(61.822.228.672)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(666.623.646)	(22.167.104)
Tiền lãi vay đã trả	14	(106.702.076)	(439.193.158)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.098.904.535)	(8.943.335.982)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	574.873.200	56.700.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.099.520.803)	(3.983.357.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.646.765.928	37.056.726.077
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.447.451.436)	(7.292.946.334)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(873.765.094)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	873.765.094	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	422.884.079	306.053.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.150.802.263)	(7.860.657.772)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	20.000.000.000	98.303.284.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.476.500.000)	(110.278.428.935)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.453.911.750)	(21.441.643.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.930.411.750)	(33.416.788.535)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	51.565.551.915	(4.220.720.230)
Tiền đầu năm	60	37.662.788.817	41.883.509.047
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	89.228.340.732	37.662.788.817

T. T. H. H.
V. O. I.

(Handwritten signatures)



Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (“Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 68 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có bốn (4) chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Nông và Tây Ninh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm)	Năm 2014 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10	10
Máy móc thiết bị	5 - 8	5
Phương tiện vận tải	6	6
Thiết bị văn phòng	3 - 8	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và thời gian sử dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u>
	Số năm
Phần mềm máy tính	8
Quyền sử dụng đất	30 - 32

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	155.564.602	235.337.888
Tiền gửi ngân hàng	89.072.776.130	37.427.450.929
	89.228.340.732	37.662.788.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	11.223.207.929	-
Công ty Hoàng Long	10.236.830.890	11.231.088.831
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	7.438.580.996	5.994.257.232
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	6.327.357.114	-
Chi nhánh Tập đoàn dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	5.744.374.020	4.665.206.304
Các khách hàng khác	11.269.521.116	22.117.423.698
	52.239.872.065	44.007.976.065
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	7.345.020.504	9.477.712.977

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.064.308.372	14.358.042.182
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.045.961.760	-
Các nhà cung cấp khác	879.635.000	122.564.110
	7.989.905.132	14.480.606.292
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	7.110.270.132	14.358.042.182

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	249.820.000	-
Các khách hàng khác	89.466.300	-
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	6.400.000	20.000.000
	345.686.300	20.000.000
b. Dài hạn		
Ký quỹ	880.362.000	890.362.000
	880.362.000	890.362.000
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	249.820.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘSố 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.365.919.191	-	11.822.326.337	-
Hàng hóa	73.286.411.422	-	105.114.483.769	-
Cộng	74.652.330.613	-	116.936.810.106	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.257.717.606	98.985.000
Chi phí biến hiệu đại lý	657.887.606	-
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	599.830.000	98.985.000
b) Dài hạn	2.559.637.811	2.451.916.771
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà xưởng	737.726.498	869.592.229
Chi phí biến hiệu đại lý	369.964.816	919.620.861
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.451.946.497	662.703.681
	3.817.355.417	2.550.901.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.085.572.133	11.118.539.075	4.704.327.547	1.352.837.430	45.261.276.185
Mua trong năm	115.148.000	-	2.120.754.116	211.549.320	2.447.451.436
Tặng từ nhận hàng khuyến mại	-	128.128.000	1.200.000.000	-	1.328.128.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(38.115.000)	(38.115.000)
Tại ngày 31/12/2015	28.200.720.133	11.246.667.075	8.025.081.663	1.526.271.750	48.998.740.621
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.854.998.533	1.717.953.895	1.751.745.898	1.141.623.224	11.466.321.550
Khấu hao trong năm	2.815.493.950	1.537.449.747	935.021.503	146.430.854	5.434.396.054
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(38.115.000)	(38.115.000)
Tại ngày 31/12/2015	9.670.492.483	3.255.403.642	2.686.767.401	1.249.939.078	16.862.602.604
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	18.530.227.650	7.991.263.433	5.338.314.262	276.332.672	32.136.138.017
Tại ngày 31/12/2014	21.230.573.600	9.400.585.180	2.952.581.649	211.214.206	33.794.954.635

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 600.395.550 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.023.495.480 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 767.423.724 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
Tại ngày 31/12/2015	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.650.724.041	55.250.000	1.705.974.041
Khấu hao trong năm	588.251.394	-	588.251.394
Tại ngày 31/12/2015	2.238.975.435	55.250.000	2.294.225.435
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	17.913.601.565	-	17.913.601.565
Tại ngày 31/12/2014	18.501.852.959	-	18.501.852.959

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	82.282.964.965	60.151.158.197
Baker Hughes Asia Pacific LTD.-Baker Petrolite Division	16.849.383.370	12.005.037.500
Các nhà cung cấp khác	618.155.696	832.290.412
	99.750.504.031	72.988.486.109
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	82.587.601.613	60.610.289.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	2.433.375.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	1.172.704.250	1.997.372.405
Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Vy	1.106.349.250	-
Các khách hàng khác	3.872.508.779	11.463.280.313
	8.584.937.279	13.460.652.718
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	2.518.198.750	142.678.424

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	31/12/2014 VND	Phát sinh trong năm		31/12/2015 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	13.511.707.019	13.511.707.019	-
Thuế nhập khẩu	-	128.393.340	128.393.340	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.358.425.255	7.912.653.407	8.098.904.535	2.172.174.127
Các loại thuế khác	153.786.282	2.304.224.674	2.234.988.403	223.022.553
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>153.786.282</i>	<i>2.233.383.139</i>	<i>2.164.146.868</i>	<i>223.022.553</i>
<i>Thuế khác</i>	<i>-</i>	<i>70.841.535</i>	<i>70.841.535</i>	<i>-</i>
Cộng	2.512.211.537	23.856.978.440	23.973.993.297	2.395.196.680

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	621.000.000	-
Tiền cổ tức phải trả	725.350.000	429.261.750
Phải trả, phải nộp khác	495.212.940	233.374.651
	1.841.562.940	662.636.401
Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	621.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	125.000.000.000	6.802.729.603	4.974.062.751	22.510.180.439	159.286.972.793
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.569.840.172	29.569.840.172
Trích từ lợi nhuận	-	-	1.478.492.009	(5.913.968.036)	(4.435.476.027)
Trả cổ tức	-	-	-	(21.250.000.000)	(21.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	125.000.000.000	6.802.729.603	6.452.554.760	24.916.052.575	163.171.336.938
Phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	-	6.452.554.760	(6.452.554.760)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	125.000.000.000	13.255.284.363	-	24.916.052.575	163.171.336.938
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.283.991.513	27.283.991.513
Trích từ lợi nhuận (1)	-	1.364.199.576	-	(6.454.156.621)	(5.089.957.045)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	(23.750.000.000)	(23.750.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	125.000.000.000	14.619.483.939	-	21.995.887.467	161.615.371.406

(1): Trong năm, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 39/NQ-ĐNB ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trong năm với số tiền lần lượt là 1.364.199.576 đồng và 5.089.957.045 đồng.

(2): Căn cứ vào Nghị quyết nêu trên, Công ty cũng đã trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 bằng 11% mệnh giá cổ phần tương đương với số tiền 13.750.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết số 121/NQ-ĐNB ngày 22 tháng 10 năm 2015, Công ty đã thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng 8% mệnh giá cổ phần tương đương với số tiền 10.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Số lượng quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘSố 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn góp tại ngày 31/12/2015	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	100%

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình tại Thuyết minh số 19 và 20.

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu phân bón	2.529.784.910.422	2.677.038.351.442
Doanh thu hóa chất	157.887.498.883	157.406.716.345
Doanh thu khác	7.751.325.571	11.160.241.039
	2.695.423.734.876	2.845.605.308.826
Chiết khấu thương mại	(22.293.121.485)	(24.209.841.154)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.673.130.613.391	2.821.395.467.672
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	26.118.291.666	22.451.330.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn phân bón	2.389.469.076.936	2.558.979.944.444
Giá vốn hóa chất	165.367.152.998	144.247.510.099
Giá vốn khác	7.460.800.135	9.259.905.218
	2.562.297.030.069	2.712.487.359.761

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.674.361.992	3.502.214.749
Chi phí nhân công	25.095.539.708	24.882.136.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.022.647.448	5.838.715.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.089.458.871	41.024.814.966
Chi phí khác bằng tiền	6.012.097.479	6.290.257.960
	82.894.105.498	81.538.140.292

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong năm hoạt động.

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.804.181.915	9.785.530.942
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	3.674.361.992	2.466.090.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.518.306.061	4.352.874.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.632.209.211	16.165.090.702
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.343.261.798	1.933.954.352
	42.972.320.977	34.703.540.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	14.291.357.793	14.111.699.809
Chi phí đồ dùng văn phòng	630.746.579	1.089.105.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.504.341.387	1.485.841.530
Thuế, phí và lệ phí	32.949.324	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.616.651.621	12.124.706.711
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.668.835.681	4.827.842.532
	32.744.882.385	33.639.195.603

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhận hàng khuyến mại	1.927.958.000	-
Khác	6.235.455	77.517.375
Thu nhập khác	1.934.193.455	77.517.375
Tiền phạt, tiền bồi thường	1.579.301	-
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	-	1.496.159.062
Chi phí khác	1.579.301	1.496.159.062
Lợi nhuận khác	1.932.614.154	(1.418.641.687)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	35.196.644.920	38.322.331.416
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	769.961.476	1.144.587.693
Thu nhập chịu thuế	35.966.606.396	39.466.919.109
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.912.653.407	8.682.722.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	-	69.769.040
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.912.653.407	8.752.491.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 VND	2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.283.991.513	29.569.840.172
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(5.089.957.045)	(4.435.476.027)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.194.034.468	25.134.364.145
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.776	2.011

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.284.240.000	4.284.240.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	4.284.240.000	4.284.240.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.532.700.000	4.541.020.000
	6.816.940.000	8.825.260.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 189.660.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn ba năm bốn tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến ngày 01 tháng 02 năm 2016.

- Tổng số tiền thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn năm năm từ ngày 07 tháng 3 năm 2013 đến ngày 07 tháng 3 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	12.476.500.000
Trừ: Tiền	(89.228.340.732)	(37.662.788.817)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	161.615.371.406	163.171.336.938
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	89.228.340.732	37.662.788.817
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.465.920.365	44.918.338.065
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	873.765.094
Tổng cộng	142.694.261.097	83.454.891.976
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	-	12.476.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	100.432.097.942	73.162.808.171
Tổng cộng	100.432.097.942	85.639.308.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	89.228.340.732	-	89.228.340.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.585.558.365	880.362.000	53.465.920.365
Tổng cộng	141.813.899.097	880.362.000	142.694.261.097
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	100.432.097.942	-	100.432.097.942
Tổng cộng	100.432.097.942	-	100.432.097.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	41.381.801.155	880.362.000	42.262.163.155
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	37.662.788.817	-	37.662.788.817
Phải thu khách hàng	44.027.976.065	890.362.000	44.918.338.065
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	873.765.094	-	873.765.094
Tổng cộng	82.564.529.976	890.362.000	83.454.891.976
31/12/2014			
Vay và nợ thuê tài chính	12.476.500.000	-	12.476.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	73.162.808.171	-	73.162.808.171
	85.639.308.171	-	85.639.308.171
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.074.778.195)	890.362.000	(2.184.416.195)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.118.291.666	22.451.330.064
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.568.456.221	8.034.927.016
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	190.957.782	-
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	18.125.201.663	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	1.233.676.000	14.416.403.048
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.173.918.106.705	1.917.626.722.943
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.494.168.078.821	1.574.539.766.181
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	602.541.301.808	336.636.889.587
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	69.540.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	5.104.218.596	5.675.504.092
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	2.162.123.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	402.384.480	423.809.071
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	-	222.661.155
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	87.700.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	40.392.857

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng	7.345.020.504	9.477.712.977
Chi nhánh Tập đoàn dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	5.744.374.020	4.665.206.304
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	1.600.646.484	3.794.741.673
	-	1.017.765.000
Trả trước cho người bán	7.110.270.132	14.358.042.182
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	4.064.308.372	14.358.042.182
	3.045.961.760	-
Phải thu khác	249.820.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	249.820.000	-
Phải trả người bán	82.587.601.613	60.610.289.521
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	82.282.964.965	60.151.158.197
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	157.614.600	153.573.200
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	147.022.048	305.558.124
Người mua trả tiền trước	2.518.198.750	142.678.424
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	2.433.375.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	-	142.678.424
	84.823.750	-
Phải trả ngắn hạn khác	621.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	621.000.000	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.637.496.227	3.464.584.742

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘSố 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Các khoản phải thu khác	135	-	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	20.000.000	Trình bày lại và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	20.000.000	2. Tài sản ngắn hạn khác	158	-	
3. Đầu tư ngắn hạn	121	-	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	873.765.094	Trình bày lại và đổi mã số
4. Đầu tư dài hạn khác	258	873.765.094	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	6.802.729.603	1. Quỹ đầu tư phát triển	418	13.255.284.363	Trình bày lại và đổi mã số
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	6.452.554.760				<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

2.366

2.011 Thay đổi phương pháp tính



Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu



Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016